

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H – TỈNH Q

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và khoản 4 điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 61/2022/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần Tiến L, sinh năm 1985

Nơi ĐKKHKT: Tổ 8, khu 6, phường H1, thành phố H, tỉnh Q.

Nơi tạm trú: Lữ đoàn 146, vùng 4 Hải Quân, phường C, huyện T, tỉnh K

- Chị Lê Thị H, sinh năm 1986

Trú tại: Tổ 8, khu 6, phường H1, thành phố H, tỉnh Q

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Tiến L và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh T vào ngày 08/7/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng anh L và chị H chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Mâu thuẫn đã được hai bên nói chuyện hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh L và chị H không ai còn quan tâm đến ai, người nào chỉ biết bỗn phận người ấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, không thể đoàn tụ được với nhau nên anh L và chị H đều thống nhất thuận tình ly hôn với nhau.

[2] Về con chung: Anh Trần Tiến L và chị Lê Thị H xác nhận: Trong

quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 người con chung là cháu Trần Minh T, sinh ngày: 23/3/2012 và cháu Trần Đại Q, sinh ngày: 04/12/2016. Khi ly hôn anh L và chị H thỏa thuận thống nhất: Giao 02 con chung là cháu Trần Minh T và cháu Trần Đại Q cho anh Trần Tiến L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi 02 con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Lê Thị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Lê Thị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[3] Về tài sản chung và khoản nợ chung: anh Trần Tiến L và chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4] Về lệ phí Tòa án: anh Trần Tiến L và chị Lê Thị H thỏa thuận thống nhất: Anh L chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung với số tiền là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Tiến L và chị Lê Thị H.

- Về con chung: Giao 02 người con chung là cháu Trần Minh T, sinh ngày 23/3/2012 và cháu Trần Đại Q, sinh ngày 04/12/2016 cho anh Trần Tiến L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi 02 con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Lê Thị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Lê Thị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và khoản nợ chung: anh Trần Tiến L và chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: anh Trần Tiến L tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con. Chị Lê Thị H không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con. Hoàn trả lại cho chị Lê Thị H số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí mà chị Lê Thị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000709 ngày 20/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Q.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. H;
- Chi cục THADS TP. H;
- TAND tỉnh Q;
- UBND xã N;
- Lưu VP, HSVA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Mạnh Hùng

